

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số: **70/2021/QĐST-DSST**;

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hoài Đức, ngày 11 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 68/2021/TLST-DSST ngày 07 tháng 5 năm 2021;

Căn cứ vào Điểm a, Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thỏa thuận của các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1974;

Trú tại: Thôn , xã Yên S, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

***Đồng bị đơn:**

- Ông Nguyễn Bá Q, sinh năm 1969;

- Ông Nguyễn Bá L, sinh năm 1971

Cùng trú tại: Thôn , xã Yên S, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1964;

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1974
- Bà Lê Thị Hằng Ng, sinh năm 1982.
- Anh Nguyễn Bá Trường G, sinh năm 1996
- Chị Tô Thị Y, sinh năm 1998
- Anh Nguyễn Bá Ngọc N, sinh năm 2005.
- Chị Nguyễn Minh T, sinh năm 2004
- Anh Nguyễn Bá Minh T, sinh năm 2009

Cùng trú tại: Thôn , xã Yên S, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Đại diện cho anh Nam là ông Q và bà H là bố mẹ.

Đại diện cho anh T và chị Tr là ông L và bà Ng là bố mẹ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ **Về quan hệ huyết thống:** Vợ chồng cụ Nguyễn Bá S (Đã chết năm 1977) và cụ Nguyễn Thị C (Đã chết năm 2010) sinh được 4 người con gồm: Bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị Dg, ông Nguyễn Bá Q và ông Nguyễn Bá L.

Cụ S và cụ C không có con riêng, con nuôi.

+ **Về diễn biến tài sản:** Sinh thời, cụ Svà cụ Ch tạo lập được 02 thửa đất thổ cư, cụ thể:

Thửa số 704, tờ bản đồ số 3, diện tích 141,3m² tại thôn , xã Yên S, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội được UBND huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây cũ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/7/2003 cho hộ bà Nguyễn Thị Ch.

Thửa số 15, khu V tại thôn , xã Yên S, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, diện tích 172,2m² được UBND huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây cũ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/7/2006 cho hộ bà Nguyễn Thị Ch.

Và các diện tích đất nông nghiệp gồm:

Thửa 23/31 diện tích 251,8m², tờ bản đồ số 4 Khu S tại Thôn , xã Yên S, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội;

Thửa 163/20, diện tích 84,4m² tờ bản đồ số 4 Khu Gò Q tại Thôn , xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội;

Thửa 13/6 diện tích 165,6m² tờ bản đồ số 3 Khu Tiên M tại Thôn , xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội;

Thửa 80/5, diện tích 340,8m² tờ bản đồ số 4 Khu H tại Thôn , xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội;

Thửa 6/13 diện tích 74,4m² tờ bản đồ số 4 Khu Sông L tại Thôn , xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội;

Thửa 163/20 diện tích 84,4m² tờ bản đồ số 4 Khu Gò Q tại Thôn , xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội;

Toàn bộ các Thửa đất nêu trên đã được UBND huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây cũ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị C ngày 17/9/1999.

Các bên đương sự thống nhất ngoài các tài sản nêu trên, Cụ S và cụ C không còn tài sản nào khác.

Phân chia tài sản thừa kế như sau:

***Về đất thổ cư:**

+ Ông Nguyễn Bá Q được quyền sử dụng **69,6m²** tại Thửa đất số 704, tờ bản đồ số 3 tại thôn , xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, Hà Nội có giá trị 271.927.000đ (Hai trăm bảy mươi một triệu, chín trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

+ Ông Nguyễn Bá L được quyền sử dụng **71,7 m²** tại Thửa đất số 704, tờ bản đồ số 3 tại thôn , xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, Hà Nội có giá trị 280.132.000đ (Hai trăm tám mươi triệu, một trăm ba mươi hai nghìn đồng).

+ Ông Nguyễn Bá Qg được quyền sử dụng **64,8m²** đất giãn dân tại Thửa số 15, khu V tại thôn , xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, được UBND huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây cũ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày

21/7/2006 cho hộ bà Nguyễn Thị Ch có giá trị 253.173.000đ (Hai trăm năm mươi ba triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

+ Ông Nguyễn Bá L được quyền sử dụng 57m² đất giãn dân tại Thửa số 15, khu Vh tại thôn , xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, được UBND huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây cũ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/7/2006 cho hộ bà Nguyễn Thị Ch có giá trị 222.699.000đ (Hai trăm hai mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn đồng).

+ Bà Nguyễn Thị K được quyền sử dụng 50m² đất giãn dân tại Thửa số 15, khu V tại thôn , xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, được UBND huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây cũ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/7/2006 cho hộ bà Nguyễn Thị Ch có giá trị 195.350.000đ (Một trăm chín mươi lăm triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

*** Về đất nông nghiệp:**

+ Bà Nguyễn Thị K được quyền sử dụng 414m² gồm: Thửa đất số 80/5 xú đồng H diện tích 340,8m² và Thửa số 6/13 diện tích 74,4m² xú đồng Sông L có tổng giá trị: 67.068.000đ (Sáu mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

+ Bà Nguyễn Thị D được quyền sử dụng Thửa số 23/31, xú đồng S diện tích 251,8m²; Thửa 163/20 xú đồng Gò Qn diện tích 84,4m². Cộng 336,2m² có tổng giá trị 54.464.000đ (Năm mươi tư triệu, bốn trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

+ Ông Nguyễn Bá Q được quyền sử dụng Thửa 13/65 xú đồng Tiền M diện tích 165,6m² có giá trị 26.827.200đ (Hai mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Công trình có trên phần đất của ai người đó được hưởng; các bên không phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho nhau.

Các bên đã tự nguyện giao nhận cho nhau xong toàn bộ tài sản nêu trên.

Có sơ đồ chi tiết kèm theo.

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký biến động quyền sử dụng đất.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị Dg, ông Nguyễn Bá Q và ông Nguyễn Bá L đều có đơn xin miễn giảm án phí do công việc bị tác động bởi dịch Covid – 19, xét có căn cứ giảm cho các đương sự 50% số án phí. Cụ thể:

- Bà Nguyễn Thị Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.121.000đ (Mười ba triệu một trăm hai mươi một nghìn đồng). Giảm cho bà Khánh 6.560.500đ (Sáu triệu năm trăm sáu mươi nghìn năm trăm đồng), bà K còn phải nộp 6.560.500đ (Sáu triệu năm trăm sáu mươi nghìn năm trăm đồng). Được trừ vào 2.900.000đ (Hai triệu chín trăm nghìn đồng) dự phí đã nộp theo biên lai số 0015077 ngày 07/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Bà K còn phải nộp 3.660.500đ (Ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn năm trăm đồng).

- Ông Nguyễn Bá Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.038.500đ (Mười ba triệu không trăm ba mươi tám nghìn năm trăm đồng). Giảm cho ông Q 6.519.000đ (Sáu triệu năm trăm mười chín nghìn đồng). Ông Q còn phải nộp 6.519.500đ (Sáu triệu năm trăm mười chín nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Bá L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.056.500đ (Mười hai triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng). Giảm cho ông L 6.028.000đ (Sáu triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng). Ông L còn phải nộp 6.028.500đ (Sáu triệu không trăm hai mươi tám nghìn năm trăm đồng).

- Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.362.000đ (Một triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng). Giảm cho bà D 680.800đ (Sáu trăm tám mươi nghìn tám trăm đồng). Bà D còn phải nộp 680.800đ (Sáu trăm tám mươi nghìn tám trăm đồng). Được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) dự phí đã nộp theo biên lai số 0015116 ngày 19/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Bà D còn phải nộp 380.800đ (Ba trăm tám mươi nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thanh Hải